

# SCREEN FLOW - TÀI LIỆU THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Nhóm 12 - Thành viên nhóm

1. Nguyễn Thanh Tâm - 20019561

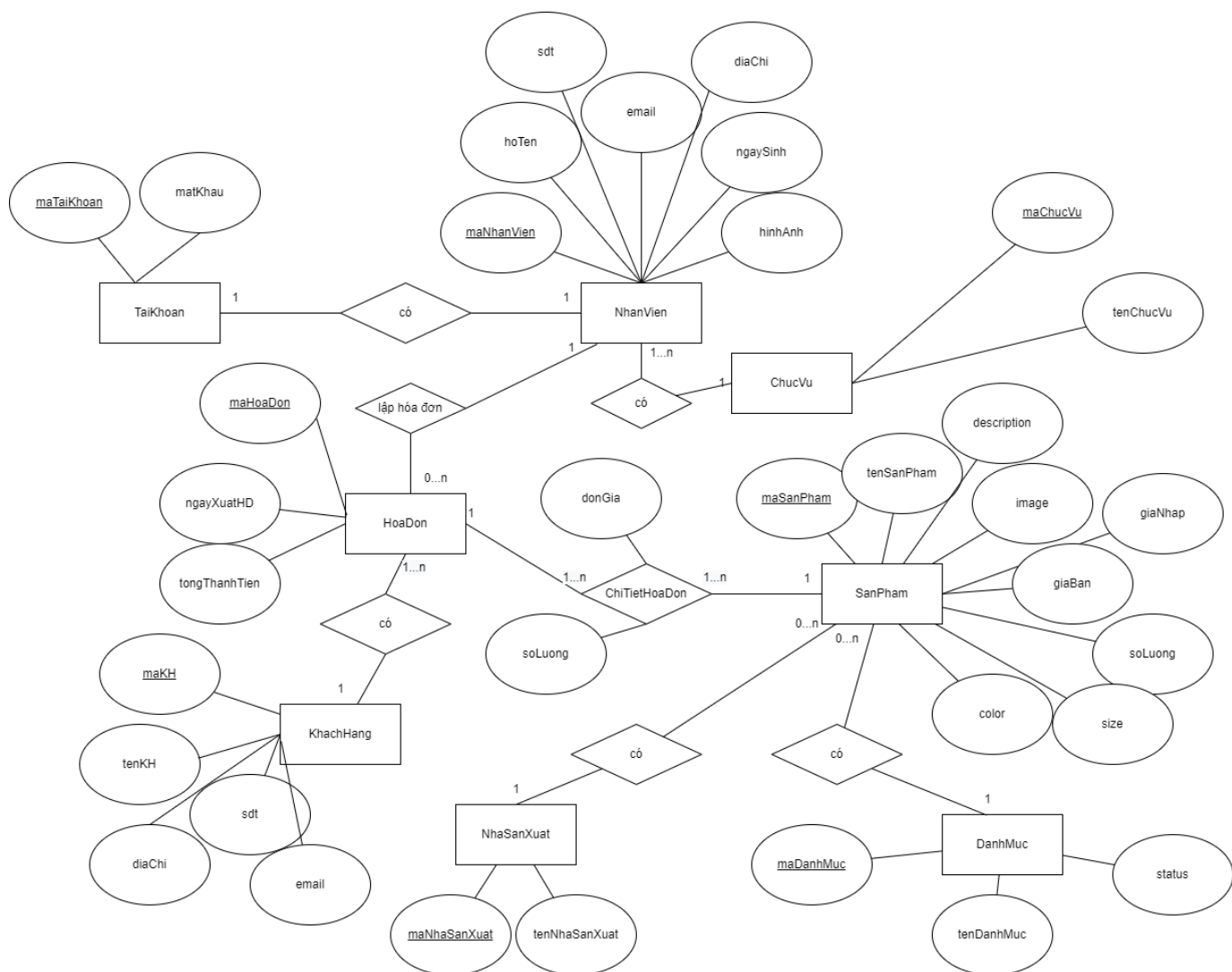
Tên ứng dụng: **ỨNG DỤNG QUẢN LÝ CỬA HÀNG BÁN XE MÁY MOTO SOFT**

Thời gian thực hiện: Từ 12/08/2022 đến 03/11/2022 (12 tuần)

## 1. Cơ sở dữ liệu

### 1.1. Cơ sở dữ liệu quan hệ

#### a. Sơ đồ EER:



#### b. Sơ đồ CSDL thiết kế trên SQL Sever:



- Mỗi hóa đơn phải có ít nhất một chi tiết hóa đơn.
- Mỗi hóa đơn thuộc về một khách hàng và do một nhân viên thu ngân lập.
- Các danh mục sản phẩm được hiển thị tình trạng còn hàng hoặc ngưng cung cấp
- Quần áo phải để số lượng, nếu về 0 thì báo hết hàng

### 1.3. Các bước miền giá trị

#### 1.3.1. Bảng Nhân Viên.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	nhanvien_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	hoten	nvarchar(100)	<input type="checkbox"/>
	ngaysinh	date	<input checked="" type="checkbox"/>
	sodienthoai	varchar(20)	<input type="checkbox"/>
	email	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	diachi	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	chucvu	varchar(8)	<input checked="" type="checkbox"/>
	hinhanh	nvarchar(100)	<input checked="" type="checkbox"/>

#### 1.3.2. Bảng Nhà sản xuất.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	nhasanxuat_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	tennhasanxuat	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>


#### 1.3.3. Bảng Sản phẩm.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	sanpham_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	tensanpham	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	description	nvarchar(1000)	<input checked="" type="checkbox"/>
	hinhanh	nvarchar(255)	<input checked="" type="checkbox"/>
	giaNhap	money	<input type="checkbox"/>
	giaBan	money	<input type="checkbox"/>
	soLuong	int	<input type="checkbox"/>
	size	varchar(2)	<input type="checkbox"/>
	color	varchar(10)	<input type="checkbox"/>
	maDanhMuc	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	nhasanxuat_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>


#### 1.3.4. Bảng Tài khoản.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	taikhoan_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	nhanvien_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	matkhau	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>

#### 1.3.5. Bảng Khách hàng.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	khachhang_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	tenkhachhang	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	sodienthoai	varchar(20)	<input checked="" type="checkbox"/>
	email	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	diachi	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>


#### 1.3.6. Bảng Hóa đơn.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	hoadon_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	nhanvien_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	khachhang_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	ngayxuathd	date	<input type="checkbox"/>
	tongtien	money	<input type="checkbox"/>



#### 1.3.7. Bảng Danh mục.

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	maDanhMuc	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	tenDanhMuc	nvarchar(20)	<input type="checkbox"/>
	status	nvarchar(20)	<input type="checkbox"/>

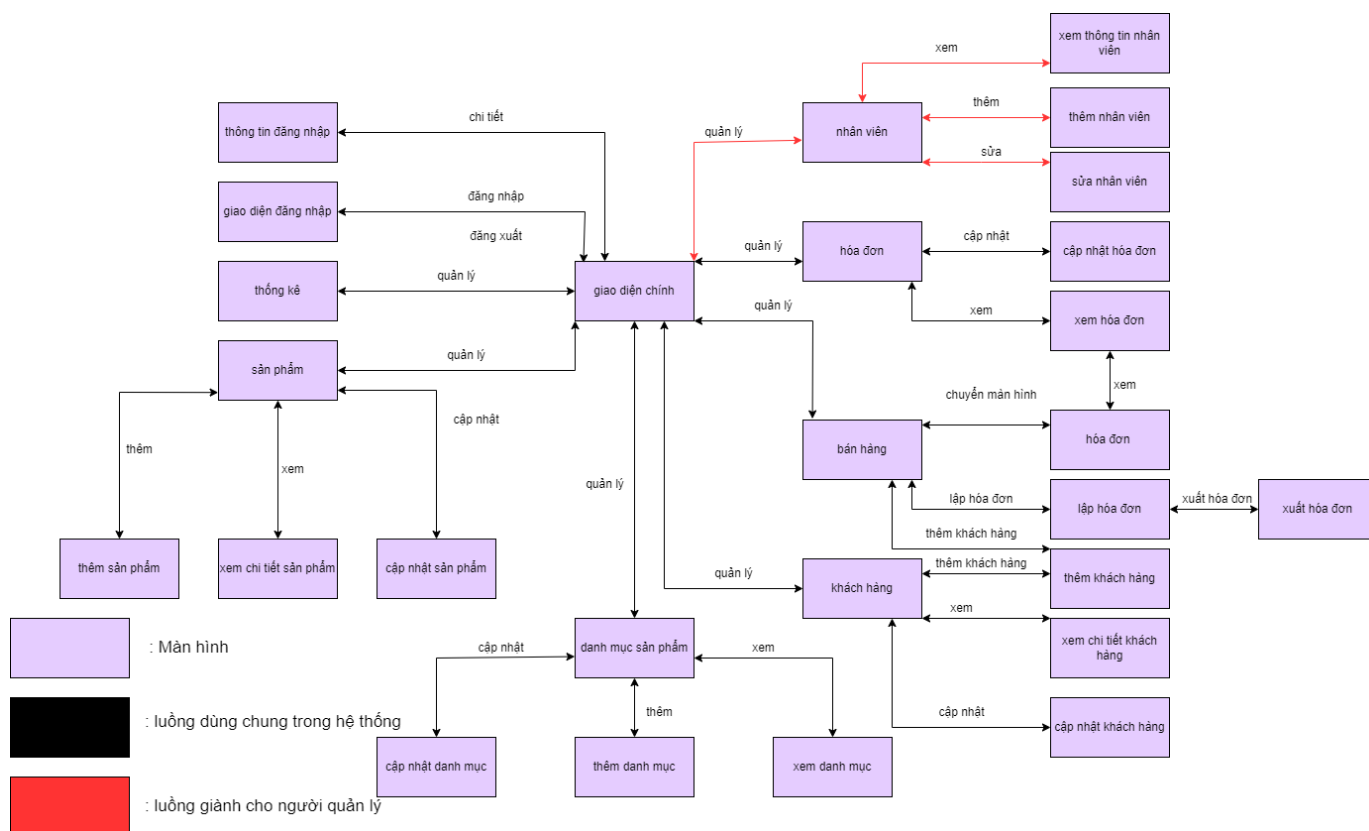
#### 1.3.8. Bảng Chức vụ

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	maChucVu	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	tenChucVu	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>

#### 1.3.9. Bảng Loại Chi tiết hóa đơn

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	hoadon_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	sanpham_id	varchar(8)	<input type="checkbox"/>
	soluong	int	<input type="checkbox"/>
	dongia	money	<input type="checkbox"/>

## 2. Screen Flow: Phân luồng màn hình của ứng dụng



## 3. Thiết kế màn hình mẫu

### Ghi chú:

1. Các ô TextField để người dùng nhập dữ liệu vào hệ thống
2. Các Button chức năng trong hệ thống
3. Các Combobox lựa chọn thông tin tìm kiếm
4. Các thanh Tab chức năng của hệ thống, chuyển đổi các tab qua lại
5. Chú thích các danh mục sản phẩm có trong cửa hàng

6. Tên nhân viên đang đăng nhập vào hệ thống
7. Bảng hiển thị danh sách nhân viên có trong hệ thống
8. Chức năng phân trang trong hệ thống
9. Thông tin về sản phẩm bao gồm thông tin như số lượng, giá nhập, giá bán, tên sản phẩm, mã sản phẩm, hình ảnh, danh mục sản phẩm.
10. Thông tin hóa đơn tạm tính được lập ra kèm chức năng áp dụng mã giảm giá
11. Bảng hiển thị danh sách các sản phẩm có trong hệ thống
12. Thông tin mặc định của sản phẩm, danh mục, nhân viên (nếu có)
13. Các ô TextField có chức năng tìm kiếm dữ liệu trong hệ thống

### 3.2.1 Màn hình Thông tin khách hàng:

#### Chú thích

1. Các ô TextField để người dùng nhập họ tên , số điện thoại, email, địa chỉ của khách hàng.
2. Button có chức năng cập nhật thông tin khách hàng, xóa khách hàng hoặc thoát màn hình thông tin khách hàng

### 3.2.2 Màn hình Khách hàng:



Fashion Shop

Dashboard  
Bán hàng  
Hóa đơn  
Danh mục sản phẩm  
Sản phẩm  
Nhân viên  
Khách hàng  
Thống kê

mục sản phẩm

1

2

Thêm mới

Tìm kiếm:

3

Select	Mã danh mục	Tên danh mục	Status	Hành động	
				Sửa	Xóa
<input type="checkbox"/>	CA166359617700001	All	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359618100001	Nam	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359625600001	Nữ	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359625900001	Trẻ em	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359626200001	Trẻ sơ sinh	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359626500001	Áo	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359626800001	Quần	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359627100001	Đồ mặc tại nhà	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359627800001	Đồ mặc trong	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359628100001	Thời trang theo mùa	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359920200001	Áo sơ mi công sở	<input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	CA166359928300001	Áo ni	<input checked="" type="checkbox"/>		

### Chú thích

1. Các ô TextField để người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm của danh mục sản phẩm.
2. Button có chức năng thêm mới danh mục sản phẩm
3. Table hiển thị ra thông tin danh sách các danh mục sản phẩm.

### 3.2.5. Màn hình Bán hàng:

Khoa Công nghệ thông tin – Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

8



The image shows a web application for managing bills. The interface includes a top navigation bar with a search field (1) and a 'Thêm đơn hàng' button (2). A sidebar on the left contains icons for 'Quản lý' and 'Đơn hàng'. The main content area displays a table of bills (2) with columns for item name, unit price, quantity, and total price. To the right, a 'Khách hàng' (Customer) form (4) is visible, containing fields for customer name, phone number, and a 'Thêm khách hàng' button (5). Below this, a 'Thanh toán' (Payment) section (6) includes a dropdown for payment method, a 'Tiền mặt' (Cash) field (7), a 'Tiền thối lại' (Change) field, and a 'Ghi chú' (Note) field. At the bottom right, a blue button labeled 'XUẤT HÓA ĐƠN' (8) is present.

### Ghi chú

1. Ô TextField để người dùng nhập thông tin cần tìm kiếm của hàng hóa, nút button bên cạnh để người dùng ấn tìm kiếm hàng hóa
2. Table để hiển thị thông tin toàn bộ sản phẩm có trong hóa đơn bao gồm tên, đơn giá, mã danh mục, màu sắc, kích thước, số lượng, thành tiền. Bên phải là nút button xóa sản phẩm ra khỏi hóa đơn.
3. Ô TextField để chọn ngày
4. Ô TextField để người dùng nhập thông tin khách hàng cần thêm vào hóa đơn, bên phải là button thêm khách hàng.
5. Thông tin hiển thị ra tên thông tin khách hàng và tổng thành tiền có trong hóa đơn.
6. ComboBox giúp người dùng chọn ra phương thức thanh toán cho hóa đơn
7. Ô TextField để người dùng nhập tiền mặt mà khách hàng thanh toán, tiền thối lại sẽ được trừ ra, ô ghi chú giúp người dùng ghi thêm 1 vài thông tin.
8. Button giúp người dùng xuất ra hóa đơn.